

Số: 252 /BC-SNN

Quảng Trị, ngày 13 tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020 (Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ)

Kính gửi: Tổng cục Lâm nghiệp.

Thực hiện công văn số 618/TCLN-KHTC ngày 15/5/2020 của Tổng cục Lâm nghiệp về việc xây dựng kế hoạch phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2021-2025, Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Trị báo cáo kết quả thực hiện cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020 (Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ), cụ thể như sau:

I. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN KHI TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TẠI ĐỊA PHƯƠNG

1. Thuận lợi

Nhìn chung, bộ máy thực hiện các cơ chế, chính sách, chương trình bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đã được hình thành từ giai đoạn 2011-2015 từ cấp tỉnh đến cấp huyện nên việc triển khai thực hiện cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020 theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ cơ bản thuận lợi.

Được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, các Ban ngành địa phương và công tác tổ chức triển khai thực hiện cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020 của các đơn vị và cơ quan chuyên môn luôn được quan tâm chú trọng.

Trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có một số chương trình, dự án đầu tư, hỗ trợ như: Chương trình 30a, Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững, chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và một số dự án khác... đã hỗ trợ một phần kinh phí cho các hộ gia đình, cộng đồng dân tộc thiểu số tích cực nhận khoán bảo vệ rừng, góp phần nâng cao đời sống, giải quyết việc làm, góp phần làm giảm đáng kể tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng phòng hộ, đặc dụng.

2. Khó khăn vướng mắc

Thực hiện Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ, trong thời gian từ năm 2016 đến năm 2019 đã giao rừng tự nhiên cho cộng đồng dân cư và hộ gia đình quản lý với diện tích là 9.673 ha trên địa bàn các xã thuộc khu vực II, III tại huyện Hướng Hóa, Đakrông và Vĩnh Linh. Tuy nhiên, diện tích rừng tự nhiên giao cho hộ và cộng đồng để bảo vệ và hưởng lợi hầu hết có trữ lượng thấp, chất lượng rừng kém, lâm sản ngoài gỗ ít và nằm ở nơi xa khu dân cư, địa hình phức tạp đi lại khó khăn nên ảnh hưởng không nhỏ đến công tác bảo vệ

rừng và hưởng lợi từ rừng. Từ đó, ảnh hưởng đến quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện

Thực hiện Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020, cùng với thực hiện các cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, UBND tỉnh đã kiện toàn bộ máy thực hiện gồm các dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng của 13 đơn vị; trong đó có 07 huyện gồm: huyện Hướng Hóa, Đakrông, Cam Lộ, Hải Lăng, Triệu Phong, Gio Linh; Vĩnh Linh thực hiện nhiệm vụ chủ yếu là hỗ trợ trồng rừng sản xuất. Có 06 đơn vị thực hiện nhiệm vụ trồng rừng và bảo vệ rừng phòng hộ, đặc dụng gồm: Ban quản lý rừng phòng hộ Hướng Hóa - Đakrông; Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực Sông Bến Hải; Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Thạch Hãn; Ban quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Đakrông; Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hóa; Ban quản lý Dự án BVPTR Khu vực biên giới huyện Đakrông (thuộc Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh).

Trong đó, có 05 đơn vị là Ban quản lý rừng phòng hộ Hướng Hóa - Đakrông; Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực Sông Bến Hải; Ban quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Đakrông; Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hóa; Ban quản lý Dự án BVPTR Khu vực biên giới huyện Đakrông cùng các cấp chính quyền địa phương huyện, xã có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn (khu vực II, III) thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ triển khai tổ chức thực hiện Nghị định số 75/2015/NĐ-CP.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã thành lập Ban chỉ đạo cấp tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016 - 2020 (gọi là Ban chỉ đạo 886 tỉnh) do một đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm trưởng Ban chỉ đạo. Ở huyện đã thành lập Ban chỉ đạo 886 cấp huyện. Theo đó Ban chỉ đạo 886 các cấp tổ chức triển khai, giám sát đánh giá quá trình thực hiện các hoạt động lâm nghiệp hàng năm trên địa bàn.

Bên cạnh đó, Sở Nông nghiệp và PTNT đã giao cho Chi cục Kiểm lâm Quảng Trị tham mưu thực hiện công tác quản lý nhà nước về lâm nghiệp; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị, chủ rừng trên địa bàn tỉnh thực hiện công tác giao rừng, khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ trồng rừng sản xuất... theo đúng các quy định nhà nước hướng dẫn hiện hành.

Văn phòng Ban chỉ đạo 886 cấp tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình hàng năm; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kế hoạch thực hiện Chương trình cũng như các cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh.

2. Kết quả huy động nguồn vốn thực hiện

TT	Hạng mục	Tổng vốn (Tr.đ)	Chia theo năm thực hiện				
			2016	2017	2018	2019	2020
1	Nghân sách Trung ương	65.790	6.194	13.083	13.564	15.720	17.229

-	<i>Nguồn đầu tư phát triển</i>						
-	<i>Nguồn sự nghiệp</i>	65.790	6.194	13.083	13.564	15.720	17.229
2	Ngân sách địa phương						
3	ODA	4.329	1.279	1.279	1.279	492	-
4	Nguồn khác						
a	Tín dụng						
b	Tổ chức, cá nhân tự đầu tư						
c	Chi trả DVMTR	102.666	6.793	9.867	20.035	32.861	33.110

3. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện						Đánh giá KQTH so kế hoạch (%)
				Kết quả	Chia theo năm thực hiện					
					2016	2017	2018	2019	2020	
1	Khoán bảo vệ rừng	Lượt ha/5 năm	379.822	379.822	58.820	73.593	72.075	84.026	91.307	100 %
2	Khoanh nuôi XTTS	Lượt ha/3 năm	2.700	2.700	900	900	900	-	-	100 %
3	Hỗ trợ trồng rừng SX	Ha	540	540	400	-	44	49	47	100 %

Thực hiện Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020, tỉnh Quảng Trị đã lồng ghép nhiều chương trình, dự án để hỗ trợ các đối tượng theo hướng dẫn của Nghị định của Chính phủ. Trong đó tập trung chủ yếu trong các hoạt động giao rừng, khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ trồng rừng sản xuất. Cụ thể như sau:

** Đối với công tác giao rừng*

Từ năm 2016 đến năm 2020 đã giao rừng tự nhiên cho cộng đồng dân cư và hộ gia đình quản lý với diện tích là 10.173 ha trên địa bàn các xã thuộc khu vực II, III theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP tại huyện Hướng Hóa, Đakrông và Vĩnh Linh. Kinh phí hỗ trợ chủ yếu từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế, vốn dự án BCC, vốn Chương trình 30a.

** Đối với công tác khoán bảo vệ rừng*

Hàng năm, các Ban quản lý rừng đặc dụng và phòng hộ đã thực hiện việc giao khoán bảo vệ rừng cho khoảng 1.200 hộ gia đình và 20 cộng đồng dân tộc

thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị nhận khoán bảo vệ rừng với diện tích bình quân trên 45.000 ha rừng tự nhiên và rừng trồng phòng hộ từ Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững, Dự án JICA2, dịch vụ môi trường rừng.

Trong đó nguồn kinh phí chủ yếu thực hiện khoán bảo vệ rừng (*Khu vực II, III*) theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP của Chính phủ chủ yếu từ Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững, Dự án JICA2...

- Đối với Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững, hàng năm UBND tỉnh đã giao nguồn vốn khoán bảo vệ rừng cho 05 đơn vị là Ban quản lý rừng phòng hộ Hướng Hóa - Đakrông; Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực Sông Bến Hải; Ban quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Đakrông; Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hóa; Ban quản lý Dự án BVPTR Khu vực biên giới huyện Đakrông tổ chức giao khoán lại cho các cộng đồng, hộ gia đình, thực hiện. Tổng diện tích giao khoán bảo vệ từ năm 2016 đến năm 2020 là 178.498 lượt/ha/5 năm, kinh phí là 65.790 triệu đồng.

- Đối với Dự án JICA 2, tổng diện tích giao khoán bảo vệ từ năm 2016 đến năm 2019 là 8.000 lượt/ha/4 năm, kinh phí là 1.968 triệu đồng.

- Đối với dịch vụ môi trường rừng từ năm 2016 đến năm 2020, bình quân hàng năm chi trả là 40.436 ha bảo vệ rừng, kinh phí là 20.533 triệu đồng.

Thông qua Chương trình 30a, Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững, chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và một số dự án khác đã hỗ trợ cho các hộ gia đình, cộng đồng dân tộc thiểu số tích cực nhận khoán bảo vệ rừng, góp phần nâng cao đời sống, giải quyết việc làm, tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng phòng hộ, đặc dụng giảm đi đáng kể.

** Đối với công tác hỗ trợ trồng rừng sản xuất*

Chương trình đầu tư bảo vệ và phát triển rừng (nay là Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững) đã hỗ trợ trồng rừng sản xuất cho các hộ gia đình trên địa bàn 2 huyện Hướng Hóa và Đakrông thuộc Khu vực II, III theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP thông qua Ban quản lý dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng của huyện. Hàng năm trên cơ sở nguồn vốn được bố trí của UBND tỉnh và thông báo vốn cơ sở Kế hoạch và Đầu tư cho các huyện. Các Ban QLDA huyện triển khai về đến xã thôn để các hộ gia đình có đất trồng rừng đăng ký để được xem xét, hỗ trợ.

Từ năm 2016-2020, các hộ dân địa bàn 2 huyện được hỗ trợ với diện tích 540 ha; kinh phí hỗ trợ bình quân 1 ha trên 4 triệu đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 2.200 triệu đồng.

Việc hỗ trợ trồng rừng sản xuất chủ yếu hỗ trợ cây giống, phân bón và một phần chi phí nhân công cho người dân tham gia trồng rừng. Tuy với mức hỗ trợ không nhiều nhưng hầu hết các địa phương, người dân rất phấn khởi tiếp nhận sự hỗ trợ từ dự án để hộ gia đình tự tổ chức trồng rừng với sự đầu tư thâm canh cao hơn, mang lại hiệu quả kinh tế hơn.

4. Đánh giá

a) Kết quả chung đạt được

Từ khi Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ được ban hành, các cơ chế, chính sách về bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số đã được tỉnh Quảng Trị

quan tâm thực hiện. Các đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh đã được hỗ trợ kinh phí từ nhiều nguồn vốn khác nhau để bảo vệ rừng, hỗ trợ trồng rừng sản xuất, tạo điều kiện công ăn việc làm và thu nhập đáng kể, góp phần phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn miền núi và vùng biên giới.

b) Tồn tại, hạn chế

Sau khi nhận bàn giao rừng với nguồn kinh phí hỗ trợ cho người dân và cộng đồng nhận khoán bảo vệ rừng còn hạn chế, trong khi đó đa số người dân miền núi có điều kiện kinh tế khó khăn nên các hoạt động chăm sóc, làm giàu rừng để hưởng lợi chưa được quan tâm đầu tư, chưa phát huy hết hiệu quả của công tác giao rừng.

III. III. NHU CẦU KINH PHÍ KHOẢN BẢO VỆ RỪNG, KHOANH NUÔI XTTS RỪNG VÀ HỖ TRỢ GẠO CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG QUY ĐỊNH TẠI NĐ 75/2015/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ. (Có các biểu chi tiết kèm theo)

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Hiện nay, diện tích rừng tự nhiên chủ yếu gắn với đời sống của người dân đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng núi. Vì vậy, việc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, ổn định sinh kế, thu nhập cho người đồng bào dân tộc thiểu số là yêu cầu quan trọng, cấp bách, liên quan trực tiếp đến việc bảo vệ, phát triển và làm giàu rừng tự nhiên. Vì vậy, đề nghị Tổng cục Lâm nghiệp báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT, các Bộ ngành có liên quan và Chính Phủ cần có chiến lược dài hạn, đồng bộ phát triển kinh tế của người đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó ưu tiên phát triển các ngành nghề tiểu thủ công mỹ nghệ, các mô hình trồng xen được liệu dưới tán rừng, mô hình làm giàu rừng, hỗ trợ trồng rừng sản xuất, gắn với chính sách hỗ trợ, khuyến khích Doanh nghiệp đầu tư, liên kết và bao tiêu sản phẩm cho người đồng bào thiểu số; Quan tâm đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng nông thôn miền núi, rút ngắn khoảng cách giữa thành thị với nông thôn, nông thôn đồng bằng với nông thôn miền núi, vùng sâu, vùng xa; Gắn công tác nhận khoán bảo vệ rừng, giao rừng cho cộng đồng, hộ gia đình là tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và là trách nhiệm của chính quyền địa phương cơ sở ở vùng miền núi.

Sở Nông nghiệp và PTNT kính báo cáo Tổng cục Lâm nghiệp theo dõi, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (B/c);
- Giám đốc Sở (B/c);
- Lưu: VT, KHTC.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hồng Phương